

**ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC*****Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 1***

Tám Tèo có tài khoản tiền gửi cá nhân tại Sacombank với tình hình số dư tài khoản tiền gửi tháng 08/2010 như sau:

*Đvt: đồng*

Ngày	Số dư	Ngày	Số dư
01/08	3.000.000	23/08	15.000.000
09/08	4.800.000	25/08	18.000.000
15/08	4.000.000	26/08	28.000.000
18/08	20.000.000	28/08	8.000.000
20/08	25.000.000	31/08	12.000.000

Giả sử, bạn là nhân viên giao dịch hãy tính lãi tiền gửi cho Tám Tèo ?

**ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC*****Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 2***

Giả sử bạn là giao dịch viên phụ trách tiền gửi của khách hàng cá nhân. Đầu giờ giao dịch, Lí Ma Ma đến trình bày rằng hiện tại bà ta muốn gửi 300 triệu đồng lấy lãi hàng tháng để chi tiêu. Bà ta muốn gửi kì hạn 1 năm và lĩnh lãi hàng tháng nhưng không biết gửi bằng VNĐ hay USD. Thông tin hiện tại của ngân hàng như sau: Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 1 năm lĩnh lãi hàng tháng là 0.75%/tháng trong khi lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kì hạn 1 năm lĩnh lãi hàng tháng là 3.45%/năm, tỷ giá

USD/VNĐ hiện tại là 16.050. Là nhân viên giao dịch với khách hàng cá nhân, bạn khuyên Lí Ma Ma nên gửi tiết kiệm loại nào trong 2 trường hợp sau:

**Trường hợp 1:** Sau 1 năm tỷ giá USD/VNĐ là 17.000. Tính lãi mà Lí Ma Ma nhận được trong trường hợp này ?

**Trường hợp 2:** Sau 1 năm tỷ giá USD/VNĐ là 16.500. Tính lãi mà Lí Ma Ma nhận được trong trường hợp này ?

### ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

#### *Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 - Đề 3*

Phòng kế toán của công ty TNHH Đông Phong lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm nộp cho ngân hàng xin vay theo hạn mức, trong đó các khoản mục của bảng kế hoạch tài chính được liệt kê như sau (đvt: tr.đồng):

Tài sản	Số tiền	Nợ và vốn chủ sở hữu	Số tiền
<b>A. Tài sản lưu động</b>	<b>5.075</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>7.198</b>
1. Tiền mặt và tiền gửi NH	513	1. Nợ ngắn hạn	3.178
2. Chứng khoán ngắn hạn	0	- Phải trả người bán	500
3. Khoản phải thu	1.662	- Phải trả công nhân	178

		viên	
4. Hàng tồn kho	2.900	- Phải trả khác	0
5. Tài sản lưu động khác	0	- Vay ngắn hạn ngân hàng	2.500
<b>B. Tài sản cố định ròng</b>	<b>3.424</b>	2. Nợ dài hạn	4.020
<b>C. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.538</b>	<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>6.839</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>14.037</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CSH</b>	<b>14.037</b>

Xác định hạn mức tín dụng của ngân hàng đối với Đông Phong theo 3 cách. Biết rằng, vốn chủ sở hữu tham gia chiếm tỷ lệ 40% và 20% vốn vay dài hạn của ngân hàng là đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên.

### ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

#### *Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 4*

Trình bày những nội dung cơ bản của một hợp đồng tín dụng ?

### ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

#### *Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 5*

Công ty Minh Vy có bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh như sau:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản	2009	2008	Nợ và vốn CSH	2009	2008
<b>A. Tài sản lưu động</b>	<b>1000</b>	<b>810</b>	<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>1064</b>	<b>800</b>
1. Tiền các loại	10	15	1. Phải trả nhà cung cấp	60	30
2. Đầu tư ngắn hạn	0	65	2. Nợ ngắn hạn	110	60
3. Khoản phải thu	375	315	3. Phải trả khác	140	130
4. Tồn kho	615	415	4. Nợ dài hạn	754	580
<b>B. Tài sản cố định ròng</b>	<b>1000</b>	<b>870</b>	<b>B. Tổng cộng vốn CSH</b>	<b>936</b>	<b>880</b>
			1. Cổ phiếu ưu đãi	40	40
			2. Cổ phiếu thường	130	130
			3. Lợi nhuận giữ lại	766	710
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2000</b>	<b>1680</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2000</b>	<b>1680</b>

### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	2009	2008
1. Doanh thu ròng	3,000.00	2,850.00
2. Chi phí hoạt động chưa kể khấu hao	2,616.20	2,497.00
3. Thu nhập trước thuế, lãi và khấu hao	383.80	353.00
4. Khấu hao tài sản hữu hình	100.00	90.00
5. Khấu hao tài sản	100.00	90.00

6. Thu nhập trước thuế và lãi	283.80	263.00
7. Trừ lãi	88.00	60.00
8. Thu nhập trước thuế	195.80	203.00
9. Trừ thuế	78.32	81.20
10. Thu nhập trước khi chia cổ tức ưu đãi	117.48	121.80
11. Cổ tức ưu đãi	4.00	4.00
12. Thu nhập ròng	113.48	117.80
13. Cổ tức cổ phần thường	56.74	53.01
14. Lợi nhuận giữ lại	56.74	64.79

Dựa vào các thông tin có được từ báo cáo tài chính của công ty Minh Vy, bạn hãy:

1. Xác định các tỷ số tài chính nhằm đánh giá khả năng trả nợ của công ty Minh Vy ?
2. Xét về khía cạnh phân tích tình hình tài chính, bạn đề nghị lãnh đạo cho vay hay không cho vay đối với công ty Minh Vy ? Tại sao ?

### ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

#### *Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 6*

Công ty Tribeco ký hợp đồng bán hàng trả chậm trong thời hạn 6 tháng cho công ty thương mại và dịch vụ Cà Mau lô hàng nước bí đao trị giá 1.520 triệu đồng. Trong thoả thuận giữa 2 bên mua bán và ngân hàng

**ACB về sử dụng dịch vụ bảo thanh toán trong nước có những cam kết sau:**

**. ABC ứng trước 85% trị giá hợp đồng bảo thanh toán cho bên bán với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành là 0,85%/tháng cộng phí bảo hiểm rủi ro tín dụng là 0,65%.**

**. Phí theo dõi khoản phải trả thu và thu hồi nợ là 0,15% trị giá hợp đồng bảo thanh toán.**

**Giả sử bạn là nhân viên tín dụng phụ trách dịch vụ bảo thanh toán, hãy xác định xem số tiền khách hàng nhận là bao nhiêu ở hai thời điểm:**

**a. Thời điểm khách hàng xuất trình hóa đơn?**

**b. Thời điểm quyết toán hợp đồng bảo thanh toán?**

### **ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

**Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 - Đề 7**

**Giả sử, bạn là nhân viên tín dụng phụ trách giao dịch với khách hàng doanh nghiệp đang thụ lý hồ sơ vay vốn của công ty TNHH X. Dưới đây là tóm lược báo cáo tài chính của công ty X.**

**Bảng 1: Kết quả kinh doanh của công ty TNHH X năm 200X.**

**(Đ. Vị tính : VNĐ)**

DIỄN GIẢI	MÃ SỐ	KỲ TRƯỚC	KỲ SAU
Tổng doanh thu	01	39.084.955.837	64.485.407.773
Trong đó: doanh thu hàng xuất khẩu	02	1.693.653.380	
1. Doanh thu thuần	10	39.084.955.837	64.485.407.773
2. Giá vốn hàng bán	11	37.716.982.383	62.292.903.909
3. Lợi nhuận gộp (10 – 11)	20	1.367.973.454	2.192.503.864
4. Chi phí bán hàng	21	0	0
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	378.457.346	689.898.627
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	989.516.108	1.502.605.237
- Thu nhập hoạt động tài chính	31	8.500.321	8.319.652
- Chi phí hoạt động tài chính	32	16.158.266	21.886.348
7. Lợi nhuận hoạt động tài chính (31 – 32)	40	(7.657.945)	(13.566.696)
- Các khoản thu nhập bất thường	41	48.266.383	264.910.999
- Chi phí bất thường	42	4.764.994	168.617.334
8. Lợi nhuận bất thường (41 – 42)	50	43.501.389	96.293.665
9. Tổng lợi nhuận trước thuế (30 + 40 + 50)	60	1.025.359.552	1.585.332.206
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	70	118.887.265	112.544.000
11. Lợi nhuận sau thuế (60 – 70)	80	906.472.287	1.472.788.206

**Bảng 2: Bảng cân đối kế toán của công ty TNHH X năm 200X.**

(Đ. Vị tính: VND)

DIỄN GIẢI	MÃ SỐ	ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM
Tài sản			
A- Tài sản LĐ và đầu tư ngắn hạn	100	18.623.731.202	16.186.124.511
I- Tiền	110	2.599.383.686	2.453.040.316
1. Tiền mặt tại quỹ và ngân phiếu	111	1.323.181.547	1.179.479.196
2. Tiền gửi Ngân hàng	112	1.276.202.139	1.273.561.120
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III- Các khoản phải thu	130	2.810.738.131	3.558.554.470
1. Phải thu của khách hàng	131	1.196.318.028	1.147.176.581
2. Trả trước cho người bán	132	1.229.249.949	1.159.740.081
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133	90.095.004	27.897.302
4. Các khoản phải thu khác	138	295.075.150	1.223.740.506
IV- Hàng tồn kho	140	13.213.609.385	10.174.529.725
1. Hàng hóa tồn kho	146	13.213.609.385	10.174.529.725
V- Tài sản lưu động khác	150		
VI- Chi sự nghiệp	160		
B- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	200	33.858.280	2.056.331.073
I- Tài sản cố định	210	33.858.280	2.056.331.073
1. Tài sản cố định hữu hình	211	33.858.280	2.056.331.073
2. Nguyên giá	212	40.995.350	2.139.357.660
3. Giá trị hao mòn lũy kế	213	(7.137.070)	(83.026.587)
II- Các khoản đầu tư dài hạn	220		
III- Chi phí xây dựng dở dang	230		
IV- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		
Tổng cộng tài sản	250	18.657.589.482	18.242.455.584
Nguồn vốn			
A- Nợ phải trả	300	7.740.459.411	5.352.537.307
I- Nợ ngắn hạn	310	7.740.459.411	5.352.537.307
1. Vay ngắn hạn	311	1.512.304.300	4.181.000.000
2. Phải trả cho người bán	313	1.424.127.517	
3. Người mua trả tiền trước	314	1.810.453.550	1.165.808.160
4. Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước	315	74.317.488	5.729.147
5. Phải trả và phải nộp khác	318	2.919.256.556	
II- Nợ dài hạn	320		
III- Nợ khác	330		
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	400	10.917.130.071	12.889.918.277
I- Nguồn vốn, Quỹ	410	10.917.130.071	12.889.918.277
Nguồn vốn kinh doanh	411	5.600.000.000	7.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	416	5.317.130.071	5.889.918.277
II- Nguồn kinh phí	420		
Tổng cộng nguồn vốn	430	18.657.589.482	18.242.455.548



**Nguồn: Báo cáo cuối năm 200X của công ty thương mại X.**

**Dựa vào thông tin có được từ báo cáo tài chính của công ty X, bạn hãy:**

**a. Xác định các tỷ số tài chính nhằm đánh giá khả năng trả nợ của công ty X?**

**b. Xét về khía cạnh phân tích tình hình tài chính, bạn đề nghị lãnh đạo cho vay hay không cho vay đối với công ty X? Tại sao?**

### **ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

**Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 - Đề 8**

**Giả sử, bạn là nhân viên tín dụng phụ trách giao dịch với khách hàng doanh nghiệp. Sau khi nhận hồ sơ của khách hàng đề nghị vay vốn, theo yêu cầu của trưởng phòng tín dụng bạn tiến hành phân tích tình hình tài chính để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Dựa vào các báo cáo tài chính do khách hàng cung cấp, bạn tính toán và xác định được các tỷ số tài chính như sau:**

Tỷ số	Kỳ này	Kỳ trước
Tỷ số thanh khoản hiện thời	1,6	1,2
Tỷ số thanh khoản nhanh	1	0,8
Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu	1,4	1,2
Tỷ số hiệu quả hoạt động tài sản	3	2
Tỷ số lợi nhuận trước thuế so với tài sản	5%	4%

Với tư cách là nhân viên tín dụng, dựa vào các tỷ số trên, bạn giải thích ý nghĩa và đánh giá như thế nào về tình hình tài chính của khách hàng trình bày trong tờ trình gửi cho lãnh đạo xem xét?

### **ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

**Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 - Đề 9**

Công ty nước suối Vĩnh hảo đang xem xét ký hợp đồng bán hàng trả chậm trong thời hạn 6 tháng cho Công ty Thương Mại Hoàng Lan lô hàng nước suối có ga trị giá 3 tỷ đồng. Theo thỏa thuận giữa hai bên mua bán và VAB nếu sử dụng dịch vụ bao thanh toán trong nước các điều khoản cam kết trong hợp đồng bao thanh toán như sau:

. VAB ứng trước 85% trị giá hợp đồng bao thanh toán cho bên bán với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành là 0,85%/tháng cộng phí bảo đảm rủi ro tín dụng là 0,55%.

. Phí theo dõi khoản phải thu và thu hồi nợ là 0,20% trị giá hợp đồng bao thanh toán.

Giả sử bạn là nhân viên tín dụng phụ trách bao thanh toán trong nước của VAB, bạn hãy sử dụng Excel để tính toán và tư vấn cho khách hàng xem có nên sử dụng dịch vụ bao thanh toán hay không? Biết rằng khách hàng không thể tự ước lượng được chi phí cơ hội sử dụng vốn của mình.

### **ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

**Thực hành nghiệp vụ NHTM 1 – Đề 10**

**Giả sử, bạn là nhân viên tín dụng phụ trách giao dịch với khách hàng doanh nghiệp đang thụ lý hồ sơ vay vốn của công ty TNHH Thái Hoàng.**

**Dưới đây là tóm lược báo cáo tài chính của công ty Thái Hoàng.**

**Bảng 1: Kết quả kinh doanh của công ty Thái Hoàng năm 200X.**

**( Đ. Vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tổng	270.730	224.871
Các khoản giảm trừ	2.964	7.196
Chiết khấu hàng bán	2.332	6.465
Hàng bán bị trả lại	631	731
Doanh thu thuần	267.766	217.675
Giá vốn bán hàng	191.118	153.501
Lợi nhuận tổng	76.648	64.174
Chi phí bán hàng	53.205	42.214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.085	12.820
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	9.357	9.140
Thu nhập hoạt động tài chính	1.132	10.527
Chi phí hoạt động tài chính	184	624
Trong đó chi lãi	62	422
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	948	9.904
Thu nhập bất thường	1.811	1.712
Chi phí bất thường		
Lợi nhuận bất thường	1.811	1.712
Lợi nhuận trước thuế	12.116	20.756
Thuế thu nhập doanh	3.127	1.668

ngiệp		
Lợi nhuận thuần	8.989	19.088

y/c : như y/c của câu 7